

Số: 716/SNV-CCVC
V/v dự thi thăng hạng
chức danh nghề nghiệp hạng I
đối với giáo viên phổ thông công lập

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

- Sở, cơ quan tương đương sở;
- UBND quận, huyện, thị xã.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 2370/VP-KGVX ngày 05/4/2018 về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập, trong đó yêu cầu triển khai Kế hoạch số 89/KH-BGDĐT ngày 06/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Sở Nội vụ đề nghị các sở liên quan, UBND quận, huyện thị xã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc rà soát, tổng hợp danh sách viên chức đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I, có văn bản kèm hồ sơ của giáo viên gửi ngay về Sở Nội vụ tổng hợp. Nội dung cụ thể như sau:

I. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung, hình thức thi:

1. Đối tượng dự thi:

1.1. Thi thăng hạng từ giáo viên THPT hạng II lên giáo viên THPT hạng I:

Giáo viên THPT hạng II (mã số V.07.05.14) đang làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp THPT và giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên trong các trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Thành phố và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc cấp huyện; có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng I quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT công lập.

1.2. Thi thăng hạng từ giáo viên THCS hạng II lên giáo viên THCS hạng I:

Giáo viên THCS hạng II (mã số V.07.04.11) đang làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp THCS và giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên trong các trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Thành phố và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc cấp huyện; có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số

22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi và việc miễn thi môn ngoại ngữ, tin học:

2.1 Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 9 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập (Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT). Cụ thể như sau:

Giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi (trong các năm học 2014- 2015, 2015- 2016, 2016-2017 và từ 2017 đến tháng 4 năm 2018); có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

c) Có đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, và tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở công lập; Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học phổ thông công lập. Đặc biệt lưu ý các tiêu chuẩn sau:

- Đối với giáo viên THCS:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

+ Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II lên chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng I phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên.

- Đối với giáo viên THPT:

+ Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ đúng hoặc phù hợp với môn học giảng dạy trở lên; nếu là phó hiệu trưởng có thể thay thế bằng thạc sĩ quản lý giáo dục trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông nếu không có bằng đại học sư phạm;

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi hoặc giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh;

+ Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng II lên chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng I phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên.

2.2 Việc miễn thi môn ngoại ngữ và tin học trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT, như sau:

a) Miễn thi ngoại ngữ đối với giáo viên dự thi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

- Giáo viên ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc ở các trường phổ thông dân tộc nội trú/bán trú, có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền.

- Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành.

- Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 500 điểm, TOEFL CBT 173 điểm, TOEFL iBT 61 điểm, IELTS 5,5 điểm trở lên.

Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn sử dụng thì việc miễn thi theo quy định trên được tính theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và giá trị thời hạn của chứng chỉ đó tính đến ngày 14/4/2018 (ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi về Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ chưa có quy định thời hạn sử dụng thì giá trị của chứng chỉ được chấp nhận cho đến khi có sự thay đổi về quy định thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đó của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ thì các quy định miễn thi ngoại ngữ như đã trình bày ở trên phải là ngôn ngữ khác với ngoại ngữ đang giảng ở trình độ tương đương.

b) Miễn thi tin học đối với giáo viên dự thi đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

2.3. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự thi gần nhất:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT:

Giáo viên trong các cơ sở giáo dục tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chưa yêu cầu điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự thi gần nhất tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan sẽ có hướng dẫn cụ thể về việc tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi.

3. Nội dung, hình thức thi:

Nội dung, hình thức thi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT, giáo viên dự thi phải tham dự đủ 04 (bốn) môn thi, bao gồm:

3.1. Môn thi kiến thức chung

a) Hình thức thi: tự luận.

b) Thời gian thi: 150 phút.

c) Nội dung thi: Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp

b) Thời gian thi

- Chuẩn bị: Giáo viên dự thi chuẩn bị báo cáo theo hướng dẫn về nội dung thi tại điểm c khoản này.

- Thuyết trình: tối đa 15 phút/giáo viên dự thi.

- Phỏng vấn trực tiếp: tối đa 15 phút/giáo viên dự thi.

c) Nội dung thi: Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT.

3.3. Môn thi Ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm

b) Thời gian thi: 45 phút

c) Nội dung thi: Thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT.

3.4. Môn thi tin học

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm.

b) Thời gian thi: 45 phút

c) Nội dung thi: Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 4 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT.

II. Hồ sơ đăng ký dự thi:

1. Giáo viên đăng kí dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I năm 2018 phải đảm bảo đủ các hồ sơ, bao gồm:

1.1 Đơn đăng kí dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 (*Mẫu số 1a, 1b*).

1.2 Bản sơ yếu lí lịch theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý giáo viên (*Mẫu số 2*).

1.3 Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ sở giáo dục (đối với giáo viên/Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc trung tâm) hoặc của Phòng Giáo dục và Đào tạo/Sở Giáo dục và Đào tạo đối với Hiệu trưởng/Giám đốc trung tâm (*Mẫu số 3a, 3b*).

1.4 Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Các loại giấy tờ khác chứng minh thành tích trong quá trình công tác.

1.5 Bản sao các quyết định liên quan được cơ quan có thẩm quyền chứng thực: quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm chính thức vào viên chức, bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp/ tương đương chức danh nghề nghiệp đang giữ (giáo viên THCS/THPT hạng III/ giáo viên THCS/THPT chính), nâng lương gần nhất.

1.6 Bản sao được cơ quan có thẩm quyền chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ xét miễn môn thi Tin học, Ngoại ngữ theo quy định (nếu có yêu cầu 02 bản mỗi loại).

2. Hồ sơ đăng ký dự thi dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên của mỗi giáo viên được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

3. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 của các cơ quan gồm: Công văn cử giáo viên dự thi thăng

hạng (do lãnh đạo Sở, UBND quận, huyện, thị xã ký) kèm theo Báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp; danh sách trích ngang của giáo viên dự thi (Mẫu số 4a, 4b) và báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị (Mẫu số 05).

III. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở, UBND quận, huyện, thị xã:

- Chỉ đạo việc thông báo rộng rãi, công khai trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về Kế hoạch tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 để giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có nguyện vọng đăng ký dự thi;

- Có văn bản cử giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi gửi về Sở Nội vụ **chậm nhất đến 17h00 ngày 13/4/2018** (qua Phòng Công chức, viên chức), kèm bản mềm danh sách trích ngang và báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ gửi về địa chỉ thư điện tử: tranthithuha_sonv@hanoi.gov.vn.

Kế hoạch số 89/KH-BGDĐT ngày 06/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bản mềm các biểu mẫu đăng trên trang mạng của Sở Nội vụ: sonoivu.hanoi.gov.vn.

2. Sở Nội vụ kiểm tra hồ sơ, dự thảo văn bản trình UBND Thành phố quyết định cử viên chức đi dự thi thăng hạng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

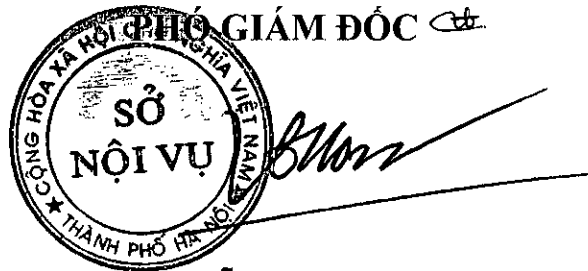
Về tổ chức thăng hạng các hạng chức danh nghề nghiệp khác: Căn cứ Kế hoạch số 89/KH-BGDĐT ngày 06/3/2018 và Công văn số 829/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 06/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ sẽ dự thảo Đề án tổ chức thi thăng hạng từ hạng III lên hạng II gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, dự thảo Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng từ hạng IV lên hạng III trình UBND Thành phố phê duyệt. Sau khi Đề án, Kế hoạch được phê duyệt, Sở Nội vụ sẽ có thông báo cụ thể sau, trong đó tất cả các trường hợp đủ các điều kiện, tiêu chuẩn, tính đến thời điểm có thông báo của triển khai của Sở Nội vụ, đều được phép dự thi.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổ chức Thành ủy (để phối hợp);
- Thành Đoàn Hà Nội (để phối hợp);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *CT*



Nguyễn Đình Hoa